

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20191**  
**Lớp CĐT 1 K10 Mã lớp học 26,915 Thực hành**

Môn học: CMH19 Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt

Giáo viên: Nguyễn Đức Hưng; Nguyễn Văn Thái  
Bùi Long Vĩnh  
Thời gian TH: Từ 22/10 đến 27/10

Số đơn vị học trình: 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 1   | CD180287 | Bùi Trọng An        | 12/08/2000 | 8    |       | An        |         |
| 2   | CD180324 | Ngô Tiến Anh        | 10/01/2000 | 8    |       | Anh       |         |
| 3   | CD180185 | Nguyễn Thế Anh      | 22/09/2000 | 8    |       | Anh       |         |
| 4   | CD180097 | Phí Đình Cấn        | 10/01/1999 | 7    |       | Cấn       |         |
| 5   | CD180042 | Hoàng Thanh Chiến   | 19/09/1995 | 8    |       | Chiến     |         |
| 6   | CD180145 | Dương Quốc Chính    | 10/03/1997 | 6    |       | Chính     |         |
| 7   | CD181561 | Nguyễn Thành Công   | 01/07/2000 | 00   |       |           |         |
| 8   | CD180172 | Phan Chí Dân        | 25/12/2000 | 6    |       | Dân       |         |
| 9   | CD181451 | Bùi Hồng Đạt        | 07/11/2000 | 8    |       | Đạt       |         |
| 10  | CD180084 | Nguyễn Tiến Đạt     | 04/09/1998 | 8    |       | Đạt       |         |
| 11  | CD180113 | Phùng Quốc Đạt      | 30/11/1999 | 8    |       | Đạt       |         |
| 12  | CD180132 | Nguyễn Văn Dũng     | 22/10/1996 | 8    |       | Dũng      |         |
| 13  | CD180508 | Trần Lâm Dũng       | 14/09/2000 | 03   |       |           |         |
| 14  | CD180306 | Nguyễn Thành Duy    | 02/10/2000 | 8    |       | Duy       |         |
| 15  | CD180539 | Nguyễn Văn Duy      | 13/03/2000 | 8    |       | Duy       |         |
| 16  | CD180059 | Đặng Trần Hải       | 02/10/1997 | 8    |       | Hải       |         |
| 17  | CD180231 | Nguyễn Ngọc Hải     | 05/10/2000 | 8    |       | Hải       |         |
| 18  | CD180124 | Nguyễn Bá Hào       | 24/11/1999 | 8    |       | Hào       |         |
| 19  | CD183192 | Nguyễn Duy Hiệp     | 13/09/1998 | 8    |       | Hiệp      |         |
| 20  | CD180222 | Bùi Duy Hiếu        | 05/02/2000 | 8    |       | Hiếu      |         |
| 21  | CD180196 | Nguyễn Danh Hiếu    | 21/01/2000 | 8    |       | Hiếu      |         |
| 22  | CD181524 | Vũ Văn Hiếu         | 20/01/2000 | 8    |       | Hiếu      |         |
| 23  | CD180299 | Đỗ Văn Hùng         | 28/07/2000 | 8    |       | Hùng      |         |
| 24  | CD180138 | Hoàng Văn Hùng      | 09/04/1998 | 6    |       | Hùng      |         |
| 25  | CD181536 | Nguyễn Văn Hùng     | 07/07/2000 | 8    |       | Hùng      |         |
| 26  | CD180286 | Nguyễn Văn Long     | 06/02/2000 | 8    |       | Long      |         |
| 27  | CD180125 | Vũ Thành Luân       | 28/12/1999 | 8    |       | Luân      |         |
| 28  | CD180526 | Phí Văn Lực         | 21/08/2000 | 8    |       | Lực       |         |
| 29  | CD181923 | Nguyễn Thị Khánh Ly | 17/05/2000 | 8    |       | Ly        |         |
| 30  | CD180493 | Nguyễn Quang Nam    | 02/11/2000 | 8    |       | Nam       |         |
| 31  | CD181435 | Vũ Phương Nam       | 05/02/1998 | 8    |       | Nam       |         |
| 32  | CD181529 | Lê Trọng Phú        | 02/02/2000 | 7    |       | Phú       |         |
| 33  | CD181479 | Phạm Minh Phúc      | 27/09/2000 | 8    |       | Phúc      |         |
| 34  | CD180308 | Đỗ Hoàng Quân       | 25/10/2000 | 8    |       | Quân      |         |
| 35  | CD181489 | Đỗ Văn Quảng        | 27/01/2000 | 8    |       | Quảng     |         |



| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD181438 | Bùi Trung Sơn      | 24/08/2000 | 7    |       | Sơn       |         |
| 37  | CD181526 | Phạm Văn Tân       | 15/03/2000 | 8    |       | Tân       |         |
| 38  | CD180114 | Trịnh Đắc Thái     | 29/09/1999 | 7    |       | Thái      |         |
| 39  | CD181503 | Nguyễn Đức Thắng   | 21/08/2000 | 8    |       | Thắng     |         |
| 40  | CD180144 | Nguyễn Văn Thành   | 30/09/1997 | 5    |       | Thành     |         |
| 41  | CD180215 | Nguyễn Đăng Tiến   | 05/02/2000 | 7    |       | Tiến      |         |
| 42  | CD181512 | Nguyễn Hồng Tiến   | 07/02/2000 | 8    |       | Tiến      |         |
| 43  | CD181508 | Nguyễn Thanh Tiến  | 09/11/2000 | 5    |       | Tiến      |         |
| 44  | CD180191 | Nguyễn Đạt Trung   | 14/02/1997 | 9    |       | Trung     |         |
| 45  | CD181474 | Ngô Tiến Trường    | 30/11/2000 | 8    |       | Trường    |         |
| 46  | CD171959 | Đặng Minh Tú       | 04/05/1999 | /    |       |           |         |
| 47  | CD182252 | Nguyễn Thị Hoài Tú | 11/08/2000 | 8    |       | Tú        |         |
| 48  | CD173907 | Đỗ Xuân Tuấn       | 22/11/1998 | /    |       |           |         |
| 49  | CD180054 | Vũ Văn Viết        | 06/05/1999 | 8    |       | Viết      |         |
| 50  | CD181507 | Triệu Quang Việt   | 30/01/2000 | 8    |       | Việt      |         |

Tổng số SV tham gia thực hành... 47 .....

Số sinh viên đạt: 46 .....

Ngày giáo viên nộp điểm: 28/12/2019 .....

Hạn cuối nộp điểm: .....

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

*Trần Thị Như Trang*

Trần Thị Như Trang

**CÁN BỘ CHẤM THI**

*Nguyễn Đức Hùng*

*Nguyễn Văn Thái*

**TRƯỞNG KHOA**

*Chuẩn*

**CHỦ NHIỆM KHOA**  
**PCS. Tăng Huy**